

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CT  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 300/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 08-6-2023

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CT TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Huỳnh Trúc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Lê Văn Minh
- Ông Đỗ Thanh Hiền.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Ông Võ Hồng Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 210/2023/TB-TLVA ngày 21 tháng 4 năm 2023 về “tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1972;  
HKTT: ấp LTr, xã BL, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.  
Tạm trú: tổ 12 ấp B, xã A, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Bị đơn:** Ông Cao Văn C, sinh năm 1969;  
Địa chỉ: ấp HL, HĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(các đương sự có đơn xin vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện và bản khai ngày 06 tháng 3 năm 2023 cũng như trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nh trình bày: Bà và ông Cao Văn C chung sống từ năm 1991, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng

chung sống có 02 con chung tên Cao Văn H sinh ngày 15/11/1992 và Cao Thị Ngân G sinh ngày 18/9/2006, không có tài sản chung và nợ chung. Vợ chồng chung sống thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông C ăn chơi, cờ bạc không chăm lo cho vợ, con, bà đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng ông C không sửa đổi mà còn cự cãi với bà. Ông bà đã sống ly thân với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Nay, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C. Về con chung, hiện cháu H đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu G, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung thì không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 05 tháng 5 năm 2023 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Cao Văn C trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Nh chung sống với nhau từ năm 1991, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chỉ có những mâu thuẫn nhỏ nhặt, có cự cãi nhau nhưng sau đó đã hàn gắn được. Trước đây, ông làm ăn thất bại có gây nợ nhưng đã trả hết nợ. Ông có chơi cờ bạc nhưng đây không phải là nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn. Ông đang bị tạm giam nên không tìm hiểu được lý do bà Nh xin ly hôn nên ông không đồng ý ly hôn. Về con chung, ông và bà Nh có 02 con chung như bà Nh trình bày, hiện cháu H đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu G đang sống với bà Nh, ông yêu cầu được nuôi cháu G vì ông rất thương con và cháu G cũng rất mến ông. Về tài sản chung, ông và bà Nh có tài sản chung là 1.000m<sup>2</sup> đất tại ấp LT, xã BL, huyện CT, tỉnh Tiền Giang do cha vợ ông đứng tên chủ sử dụng đất cùng căn nhà cất trên phần đất này và 01 căn nhà ở đường Quách Tiêu xã A, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Nh đứng tên. Ông không yêu cầu chia tài sản chung.

Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông Cao Văn C trình bày như sau: Ông thống nhất với bà Nh về quá trình kết hôn, con chung, thời gian và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay, ông không muốn ly hôn vì còn thương vợ, thương con và để ông chấp hành án xong rồi giải quyết ly hôn nhưng bà Nh cương quyết ly hôn nên ông đồng ý. Ông đồng ý giao cháu G cho bà Nh trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa như sau: Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị tòa án không C nhận bà Nguyễn Thị Nh và ông Cao Văn C là vợ chồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nh và bị đơn ông Cao Văn C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nh và bị đơn ông Cao Văn C trình bày thống nhất với nhau như sau: Bà Nguyễn Thị Nh và ông Cao Văn C chung sống với nhau năm 1991, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Cao Văn H sinh ngày 15/11/1992 và Cao Thị Ngân G sinh ngày 18/9/2006. Bà Nh và ông C chung sống thường phát sinh mâu thuẫn do ông C cò bạc, không lo cho vợ con. Lời trình bày của các đương sự là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết các đương sự trình bày nêu trên là sự thật.

[2.2] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Nh và ông Cao Văn C tự nguyện chung sống vào năm 1991, không có đăng ký kết hôn. Như vậy, bà Nh và ông C có đủ điều kiện kết hôn, tự nguyện chung sống với nhau nhưng đã không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định, căn cứ vào các Điều 8, 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không C nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Nh và ông Cao Văn C.

[2.2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Nh và ông Cao Văn C thống nhất có 02 con chung tên Cao Văn H sinh ngày 15/11/1992 và Cao Thị Ngân G sinh ngày 18/9/2006, hiện cháu H đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, giao cháu G cho bà Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, trong thời gian ông C và bà Nh sống ly thân, bà Nh là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm lo về mọi mặt cho cháu G. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong sinh hoạt và sự phát triển bình thường của cháu G và có xét đến nguyện vọng được ở với mẹ của cháu G, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nh được trực tiếp nuôi dưỡng cháu G.

[2.2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Như nhận định trên, bà Nh là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu G, có đủ điều kiện nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, ông C không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản chung nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự không đặt ra xem xét.

[3] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà Nguyễn Thị Nh phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 14, 53, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

#### **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nh.

- Về quan hệ hôn nhân: Không C nhận bà Nguyễn Thị Nh và ông Cao Văn C là vợ chồng.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Nh và ông Cao Văn C có 02 con chung tên Cao Văn H sinh ngày 15/11/1992 và Cao Thị Ngân G sinh ngày 18/9/2006. Hiện anh Cao Văn H đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao cháu Cao Thị Ngân G cho bà Nguyễn Thị Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Cao Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông Cao Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Nh phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Nh đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0021645 ngày 17/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, Tiền Giang nên xem như nộp xong án phí.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

#### ***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện CT;
- Chi cục THADS huyện CT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
**(đã ký)**

- Các đường sự;
- Lưu HS, AV.

***Nguyễn Huỳnh Trúc***